

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 125/2025/DS-ST

Ngày: 21 – 5 – 2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Huệ.

Ông Nguyễn Minh Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 585/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2024 về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Hồng N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Nhà không số, đường N, khóm F, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Hồ Vũ P, sinh năm 1980 (Văn bản uỷ quyền ngày 23/12/2024 - Có mặt).

Địa chỉ: Nhà không số, đường N, khóm F, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Bích T, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số C, Nguyễn Ngọc C, khóm H, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 24/10/2024 nguyên đơn bà Huỳnh Hồng N trình bày: Vào ngày 24/11/2023 dương lịch bà T vay của bà 40.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 2%/tháng, thời hạn vay 01 tháng. Bà T đã nhận tiền và ký vào biên nhận nợ. Từ khi vay đến nay bà T không trả vốn và lãi. Nay yêu cầu bà T thanh toán tiền vốn 40.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 1,66%/tháng.

Tại Biên bản làm việc ngày 16/12/2024 bị đơn bà Trần Thị Bích T trình bày: Trước đây bà vay của bà Nguyễn Thị V 80.000.000 đồng, đã trả 40.000.000 đồng nhưng sau đó bà V nói là chồng bị bệnh cần tiền đi điều trị yêu cầu bà trả số tiền còn lại. Khi đó, bà không có khả năng nên bà V giới thiệu bà N cho bà vay tiền. Sau đó, bà ký biên nhận nợ vay bà N 40.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng nhưng thực tế đóng lãi 4.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, bà không nhận tiền trực tiếp từ bà N mà bà N đưa 40.000.000 đồng cho bà V. Bà đã đóng lãi cho bà V 01 tháng là 4.000.000 đồng. Sau đó, do không có khả năng đóng lãi nên bà V có kêu bà tham gia hội để hốt đối trừ nợ và bà V giới thiệu bà Lê Thị Bích T1 có mở hội ngày loại hội 200.000 đồng, bà tham gia 02 chân trong danh sách ghi tên bà và bà trực tiếp đóng hội tuy nhiên khi mãn hội thì bà T1 trực tiếp giao hội cho bà V, tiền hốt hội được bao nhiêu bà cũng không nhớ rõ. Sau khi mãn hội thì bà và V gặp nhau để đối trừ nợ thì hai bên thống nhất bà còn nợ bà V số tiền vốn là 21.700.000 đồng (bà có ký vào sổ do bà V đang quản lý).

Sau đó, bà V yêu cầu bà phải trả 200.000 đồng/ngày cho đến khi nào hết tiền vốn và lãi không yêu cầu nữa. Theo thỏa thuận thì bà đã trả 4.000.000 đồng. Tổng cộng thì bà đã trả cho bà V 18.300.000 đồng + 4.000.000 đồng = 22.300.000 đồng. Nay đồng ý trả cho bà V tiền vốn 17.700.000 đồng, phần lãi bà V không yêu cầu. Bà xác định chữ ký trong biên nợ ngày 24/11/2023 của bà nhưng bà không quen biết với bà N và cũng không giao dịch với bà N nên không đồng ý thanh toán nợ vốn và lãi theo yêu cầu của bà N.

Tại Bản tự khai ngày 24/12/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V trình bày: Việc vay tiền giữa bà T và bà N bà hoàn toàn không biết và không liên quan đến bà. Do đó, bà yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt.

Tại Biên bản làm việc ngày 24/3/2025 và ngày 17/02/2025: Toà án tiến hành làm việc với bà Lê Thị Bích T1, tuy nhiên bà T1 không có mặt tại nơi cư trú nên Toà án không làm việc được.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Yêu cầu bà T thanh toán tiền vốn 40.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử theo quy định pháp luật.

- Bà N vắng mặt không có ý kiến trình bày khác.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Hồng N buộc bà Trần Thị Bích T trả cho bà Huỳnh Hồng N số tiền vốn 40.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 24/11/2023 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Huỳnh Hồng N khởi kiện bà Trần Thị Bích T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Trần Thị Bích T cư trú tại ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Bà Trần Thị Bích T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Bà Nguyễn Thị V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn vay và lãi suất theo quy định pháp luật. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn cung cấp biên nhận nợ ngày 24/11/2023 do bị đơn ký xác lập thể hiện bị đơn vay của nguyên đơn 40.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thỏa thuận thời gian trả nợ vào ngày 24/12/2023. Bị đơn xác định: Chữ ký trong biên nhận nợ là của bị đơn nhưng thực tế không nhận tiền từ nguyên đơn mà nguyên đơn đã đưa số tiền vay cho bà V nhận để đối trừ nợ. Sau đó, bị đơn đóng lãi cho bà V 01 tháng với số tiền 4.000.000 đồng và sau đó tham gia hội do bà T1 làm chủ, sau khi hết hội thì bà T1 giao số tiền hết hội cho bà V để đối trừ khoản nợ bị đơn nợ bà V. Giữa bị đơn và bà V đã chốt nợ bị đơn còn nợ bà V 17.700.000 đồng tiền vốn nay đồng trả cho bà V và không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì số tiền nợ nguyên đơn đã đối trừ với bà V. Bà V xác định việc vay tiền giữa bà N và bà T không liên quan đến bà và bà không đặt ra yêu cầu gì. Hội đồng xét xử nhận thấy, bị đơn đã xác nhận chữ ký trong biên nhận nợ là của bị đơn nên bị đơn phải chịu trách nhiệm đối với nội

dung biên nhận nợ, bị đơn cho rằng chỉ giao dịch với bà V và đồng ý thanh toán cho bà V số tiền vốn còn nợ 17.700.000 đồng nhưng bà V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Việc thanh toán nợ giữa bị đơn và bà V trường hợp có phát sinh tranh chấp thì bị đơn có quyền khởi kiện thành vụ án khác. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn vay 40.000.000 đồng là có căn cứ.

Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 24/11/2023 dương lịch đến ngày xét xử 21/5/2025 là: 40.000.000 đồng x 20%/năm x 01 năm 05 tháng 27 ngày = 11.925.114 đồng. Như vậy, tổng cộng vốn và lãi 51.925.114 đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền 51.925.114 đồng là có căn cứ.

[3] Trường hợp bị đơn chậm thanh toán số tiền nêu trên, thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Hồng N.

Buộc bà Trần Thị Bích T thanh toán cho bà Huỳnh Hồng N số tiền 51.925.114 đồng (Năm mươi một triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm mười bốn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các

khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Trần Thị Bích T phải chịu số tiền 2.596.000 đồng (làm tròn số).

- Bà Huỳnh Hồng N đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 1.183.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003539 ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, bà N được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Như